Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2933.72.00

Mã HS	2933.72.00
Mô tả hàng hóa	Hợp chất dị vòng chỉ chứa (các) dị tố ni tơ / - Lactams: / - - Clobazam (INN) và methyprylon (INN)
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	02/11/2026 18:20:46
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29337200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4378
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4378
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4378
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4334
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4295
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4295
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4295
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4295
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4295
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4295
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4333
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4333

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4333
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4333
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4333
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4333
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4337
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4337
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4337
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4337
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4337
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4337
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4337
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4301
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4297
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4297
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4297
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4297
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4297
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4297
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4297
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4297
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4297
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4297
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4297
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4297
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4344
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4344

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4344
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4344
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4344
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4344
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4341
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4341
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4341
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4341
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4341
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4341
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4349
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4349
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4349
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4349
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4349
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4349
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4320
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4320
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4320
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4320
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4320
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4320
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4322
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4322
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4322
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4322

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4322
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4322
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4320
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4320
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4320
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4320
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4320
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4320
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4320
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4341
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4341
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4341
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4341
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4341
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4341
RCEP B	2022	2022	0	B!D4341
RCEP B	2023	2023	0	B!E4341
RCEP B	2024	2024	0	B!F4341
RCEP B	2025	2025	0	B!G4341
RCEP B	2026	2026	0	B!H4341
RCEP B	2027	2027	0	B!I4341
RCEP C	2022	2022	0	C!D4341
RCEP C	2023	2023	0	C!E4341
RCEP C	2024	2024	0	C!F4341
RCEP C	2025	2025	0	C!G4341
RCEP C	2026	2026	0	C!H4341

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4341
RCEP D	2022	2022	0	D!D4341
RCEP D	2023	2023	0	D!E4341
RCEP D	2024	2024	0	D!F4341
RCEP D	2025	2025	0	D!G4341
RCEP D	2026	2026	0	D!H4341
RCEP D	2027	2027	0	D!I4341
RCEP E	2022	2022	0	E!D4344
RCEP E	2023	2023	0	E!E4344
RCEP E	2024	2024	0	E!F4344
RCEP E	2025	2025	0	E!G4344
RCEP E	2026	2026	0	E!H4344
RCEP E	2027	2027	0	E!I4344
RCEP F	2022	2022	0	F!D4341
RCEP F	2023	2023	0	F!E4341
RCEP F	2024	2024	0	F!F4341
RCEP F	2025	2025	0	F!G4341
RCEP F	2026	2026	0	F!H4341
RCEP F	2027	2027	0	F!I4341
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3995
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3995
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3995
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3995

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất hướng thần (09/2024/TT-BYT-DM3)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2933.72.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2933.72.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4378), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
NL làm thuốc XK, NK là dược chất hướng thần (09/2024/TT-BYT-DM3)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.